

CÔNG TY TNHH MTV Ô TÔ TRƯỜNG HẢI TIỀN GIANG

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của CÔNG TY TNHH MTV Ô TÔ TRƯỜNG HẢI TIỀN GIANG

TP. Mỹ Tho, tháng 04 năm 2022

CÔNG TY TNHH MTV Ô TÔ TRƯỜNG HẢI TIỀN GIANG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của CÔNG TY TNHH MTV Ô TÔ TRƯỜNG HẢI TIỀN GIANG

**CÔNG TY TNHH MTV
Ô TÔ TRƯỜNG HẢI
TIỀN GIANG
Giám đốc**

LÊ ANH MINH

TP. Mỹ Tho, tháng 04 năm 2022

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	4
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	5
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ.....	6
Chương I.....	7
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	7
1. Tên chủ cơ sở:.....	7
2. Tên cơ sở:.....	7
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:.....	7
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:.....	8
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	8
3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	9
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, cung cấp nước sử dụng.....	9
4.1. Nguyên liệu, vật liệu.....	9
4.2. Nhiên liệu.....	9
4.3. Phế liệu nhập khẩu.....	9
4.4. Hóa chất sử dụng trong kinh doanh, dịch vụ.....	9
4.5. Nguồn cung cấp điện.....	9
4.6. Nguồn cung cấp nước.....	10
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:.....	10
CHƯƠNG II.....	12
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	12
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	12
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	12
CHƯƠNG III.....	14
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	14
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	14
1.1. Thu gom, thoát nước mưa:.....	14
1.2. Thu gom, thoát nước thải:.....	17
1.2.1. Công trình thu gom nước thải.....	17
1.2.2 Công trình thoát nước thải.....	18
1.2.3. Điem xả nước thải sau xử lý.....	19
1.2.4. Các biện pháp thu gom, thoát nước thải khác: Không có.....	20

1.3. Xử lý nước thải	20
1.3.1. Công trình xử lý nước thải đã được xây dựng, lắp đặt.....	20
1.3.2. Các biện pháp xử lý nước thải khác: Không có	22
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	22
2.1. Công trình thu gom bụi, khí thải trước khi xử lý.....	22
2.2. Công trình xử lý bụi, khí thải đã được xây dựng, lắp đặt	23
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	25
3.1. Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn văn phòng.....	25
3.2. Công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.....	26
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	27
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	29
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	29
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: Không có.....	29
CHƯƠNG IV.....	30
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	30
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	30
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	31
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	32
CHƯƠNG V.....	34
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	34
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	34
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải	36
3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo	37
CHƯƠNG VI.....	38
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	38
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	38
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	38
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	38
1.2.1. Thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường	38
1.2.2. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải	39
1.2.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch.....	40
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật ..	40
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	40
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	41

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở:	41
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	41
CHƯƠNG VII	43
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA	43
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	43
CHƯƠNG VIII.....	44
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	44

HĐND - UBND Thành Phố Mỹ Tho - 18/10/2022 14:46:49
Nguyễn Văn Sơn - Tổ Vi tính - Văn thư

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

QCVN: Quy chuẩn Việt Nam

TNHH: Trách nhiệm hữu hạn

MTV: Một thành viên

TM-DV: Thương mại – Dịch vụ

ĐVTV: Đơn vị tư vấn

PCCC: Phòng cháy chữa cháy

UBND: Ủy ban nhân dân

BOD: Biochemical oxygen Demand- nhu cầu oxy sinh hoá

COD: Chemical Oxygen Demand - nhu cầu oxy hóa học

N: Nito

P: Phốt pho

CN: Chi nhánh

CP: Cổ Phần

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật cơ bản của công trình thu gom, thoát nước mưa.....	15
Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật cơ bản của công trình thu gom nước thải sinh hoạt, nước thải dịch vụ.....	18
Bảng 3.3. Thông số kỹ thuật cơ bản của công trình thoát nước thải sinh hoạt, nước thải dịch vụ.....	19
Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật cơ bản của công trình thu gom nước thải sinh hoạt, nước thải dịch vụ.....	23
Bảng 3.5. Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn văn phòng.....	26
Bảng 3.6. Khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường	27
Bảng 3.7. Danh mục chất thải nguy hại phát sinh	27
Bảng 3.8. Khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường	28
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	30
Bảng 4.2. Các khí ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các khí ô nhiễm theo dòng khí thải buồng phun sơn	32
Bảng 4.3. Giới hạn đối với tiếng ồn	33
Bảng 4.4. Giới hạn đối với độ rung	33
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải trước xử lý định kỳ của năm liền kề trước thời điểm lập báo cáo đề xuất.....	34
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý định kỳ của năm liền kề trước thời điểm lập báo cáo đề xuất.....	35
Bảng 5.3. Kết quả quan trắc khí thải định kỳ của năm liền kề trước thời điểm lập báo cáo đề xuất.....	37
Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành.....	38
Bảng 6.2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	41
Bảng 6.3 Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường dự kiến hàng năm	42

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.1 Sơ đồ quy trình hoạt động kinh doanh của công ty	8
Hình 1.2 Sơ đồ quy trình hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, rửa xe và sơn xe của công ty	8
Hình 1.3 Mặt bằng vị trí hoạt động của công ty.....	11
Hình 3.1 Sơ đồ quy trình thu gom, thoát nước mưa.....	14
Hình 3.3 Quy trình thu gom nước thải sinh hoạt, nước thải dịch vụ.....	17
Hình 3.4 Quy trình thoát nước thải sinh hoạt, nước thải dịch vụ	18
Hình 3.5 Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải	20
Hình 3.6 Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải dịch vụ.....	21
Hình 3.7. Sơ đồ quy trình hệ thống thu gom khí thải phun sơn	23
Hình 3.8. Sơ đồ quy trình hệ thống xử lý khí thải phun sơn	24
Hình 3.9. Quy trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn	25
Hình 3.10. Quy trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn	26
Hình 3.11. Quy trình thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại	28

Nguyễn Văn Sơn - Tổ Vị tinh Văn thư
UBND - UBND Thành Phố Mỹ Tho - 18/10/2022 14:46:43

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

CÔNG TY TNHH MTV Ô TÔ TRƯỜNG HẢI TIỀN GIANG

Địa chỉ văn phòng: Khu phố 2, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật của cơ sở:

Bà: **NGUYỄN THIỆN MỸ**

Chức vụ: Chủ tịch công ty

Điện thoại: 0938 807 323 ; Fax:

; Email:

Ông: **LÊ ANH MINH**

Chức vụ: Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1201657894 của Công Ty TNHH MTV Ô Tô Trường Hải Tiền Giang, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2022 do phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Giấy ủy quyền số 01/2022/GUQ – CT/THTG ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Giấy ủy quyền số 05/2022/GUQ – NDDPL/THACO ngày 01 tháng 01 năm 2022.

2. Tên cơ sở:

CÔNG TY TNHH MTV Ô TÔ TRƯỜNG HẢI TIỀN GIANG

Địa điểm cơ sở: Khu phố 2, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản số 2595/GXN-UBND do UBND thành phố Mỹ Tho cấp ngày 26 tháng 04 năm 2017;

Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 94/GP-UBND do UBND tỉnh Tiền Giang cấp ngày 30 tháng 05 năm 2017;

Quy mô của cơ sở: CÔNG TY TNHH MTV Ô TÔ TRƯỜNG HẢI TIỀN GIANG chuyên hoạt động trong lĩnh vực buôn bán ô tô, xe bán tải, phụ tùng xe, sửa chữa, bảo dưỡng, rửa và sơn xe với tổng mức đầu tư của dự án là 10 tỷ đồng. Tổng diện tích đất sử dụng là 2.070 m². Hoạt động của công ty thuộc mục d khoản 4 Điều 8 và khoản 3 Điều 10 của Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 thuộc tiêu chí phân loại dự án nhóm C, thuộc dự án nhóm 3 theo khoản 2 số thứ tự II phụ lục V nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của chính phủ.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

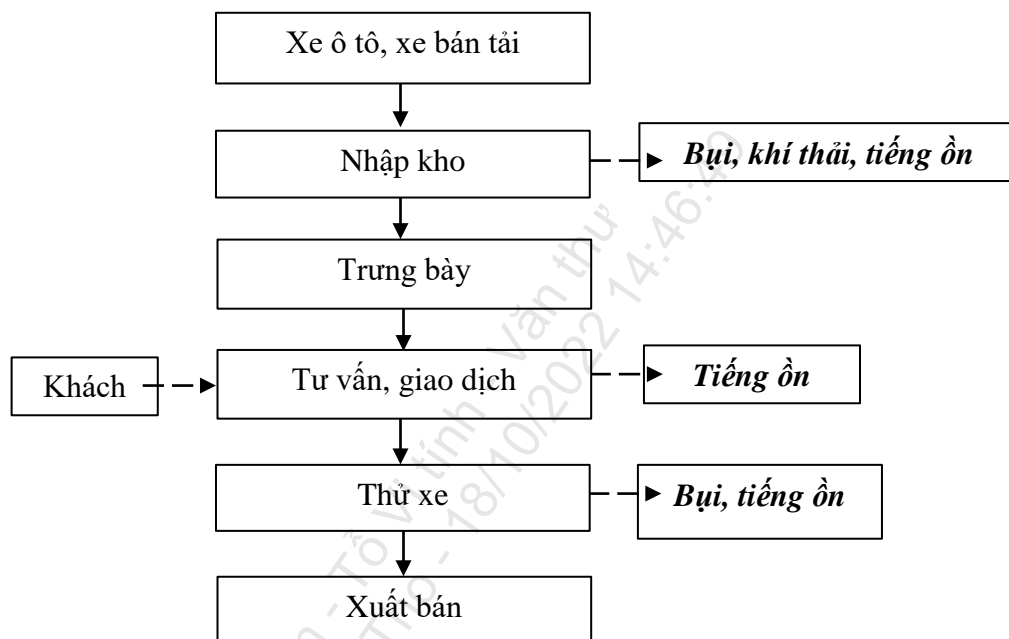
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

- Buôn bán ô tô, xe bán tải: 150 chiếc/tháng.
- Sửa chữa kèm bán phụ tùng, bảo dưỡng, rửa và sơn xe: 350 chiếc/tháng.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Quy trình hoạt động, kinh doanh tại cơ sở:

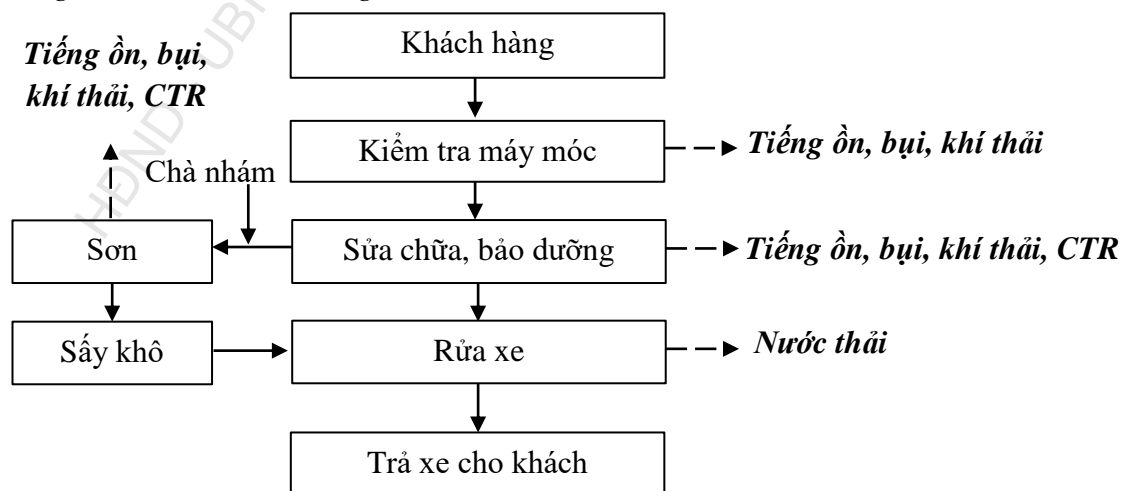
Hoạt động kinh doanh ô tô, xe bán tải:



Hình 1.1 Sơ đồ quy trình hoạt động kinh doanh của công ty

Thuyết minh quy trình: Các dòng xe bán tải và ô tô được công ty nhập về bằng xe tải chuyên dụng và được đặt ở khu vực trưng bày tại Showrom cửa hàng, khách hàng có nhu cầu mua sẽ liên hệ trực tiếp với nhân viên tại công ty. Nhân viên công ty sẽ tư vấn và chạy thử xe cho khách, khi khách hài lòng và đồng ý mua, công ty thực hiện các thủ tục giấy tờ cho khách, chuyển giao xe và xuất bán xe.

Hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, rửa xe và sơn xe:



Hình 1.2 Sơ đồ quy trình hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, rửa xe và sơn xe của công ty

Thuyết minh quy trình: Các loại xe có nhu cầu bảo dưỡng, sửa chữa sẽ chạy đến showrom. Tại đây nhân viên tiến hành kiểm tra tất cả máy móc thiết bị của xe sau đó tiến hành sửa chữa, bảo dưỡng (thay linh kiện, phụ tùng, thay nhớt...), sau khi hoàn thành nhân viên sẽ rửa xe trước khi trả lại xe cho khách hàng.

Đối với xe bị trầy xước, toàn bộ xe hay một bộ phận của xe sẽ được đưa đến khu vực sơn, nhân viên tiến hành chà nhám bề mặt sau đó thực hiện phun sơn, sản phẩm sau khi sơn được sấy khô. Sau khi hoàn thành nhân viên sẽ rửa xe trước khi trả lại xe cho khách hàng.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

- Sản phẩm kinh doanh buôn bán: Xe bán tải 500kg và xe du lịch mazda, peugeot loại 5 – 7 chỗ: 150 chiếc/tháng.

Sửa chữa, bảo dưỡng, rửa và sơn xe: 350 chiếc/tháng.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, cung cấp nước sử dụng

4.1. Nguyên liệu, vật liệu

- Xe du lịch 5 -7 chỗ và xe bán tải: 70 chiếc/tháng
- Phụ tùng xe các loại : 200 cái/tháng
- Giấy nhám: 8 kg/tháng

4.2. Nhiên liệu

- Xăng: 400 lít/tháng
- Nhớt các loại: 400 lít/tháng
- Mỡ bôi trơn: 100 lít/tháng

4.3. Phế liệu nhập khẩu

Công ty không có nhập khẩu phế liệu.

4.4. Hóa chất sử dụng trong kinh doanh, dịch vụ

- Sơn nước: 7 lít/ngày.
- Xăng thơm: 3 lít/ngày.
- Xà phòng: 10 lít/tháng.
- Nano bạc (khử khuẩn xe): 5 lít/tháng.
- Bột khử khuẩn clo: 20 lít/tháng.

4.5. Nguồn cung cấp điện

- Đơn vị cung cấp: Công ty điện lực Tiền Giang – Điện lực Mỹ Tho
- Khối lượng tiêu thụ trung bình thực tế: 16.813 kWh/tháng

(Nguồn: Căn cứ vào hóa đơn điện tháng 12/2021, tháng 1/2022, tháng 2/2022 - Hóa đơn đính kèm phụ lục)

4.6. Nguồn cung cấp nước

- Đơn vị cung cấp: Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang
- Khối lượng tiêu thụ trung bình thực tế: 163 m³/tháng

(Nguồn: Căn cứ vào hóa đơn nước tháng 12/2021, tháng 1/2022, tháng 2/2022 - Hóa đơn đính kèm phụ lục)

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:

Tổng vốn đầu tư của dự án: 10.000.000.000 đồng

Tổng diện tích đất sử dụng: 2.070 m², trong đó có 799,9 m² đất thuộc sở hữu của công ty, 1.270,1 m² đất còn lại công ty thuê của ông Vương Văn Dương và ông Vương Khắc Tín. Chi tiết cụ thể như sau:

Với diện tích 799,9 m² đất thuộc sở hữu của công ty là thửa đất số 211, tờ bản đồ số 05 có địa chỉ tại khu phố 2, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, mục đích sử dụng là đất cơ sở sản xuất kinh doanh.

1.270,1 m² đất còn lại công ty thuê của ông Vương Văn Dương và ông Vương Khắc Tín là thửa số 51, số 56, tờ bản đồ số 2, tổng diện tích đất là 220,1 m² và thửa đất số 26C, tờ bản đồ số 639, tổng diện tích đất 450 m², thửa đất số 4, tờ bản đồ số 5, tổng diện tích đất 600 m², mục đích sử dụng là đất vườn có địa chỉ tại khu phố 2, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

(Hợp đồng thuê đất đính kèm phụ lục).

Tên trước đây của công ty là Chi Nhánh Tiền Giang – Công Ty Cổ Phần Ô Tô Trường Hải, hiện tại Chi Nhánh Tiền Giang – Công Ty Cổ Phần Ô Tô Trường Hải đang đăng ký giải thể và chuyển sang công ty mới với tên công ty TNHH MTV Ô Tô Trường Hải Tiền Giang, công ty thuộc chủ sở hữu của công ty TNHH Thaco Auto.

Số lượng nhân viên tại công ty: 80 người.

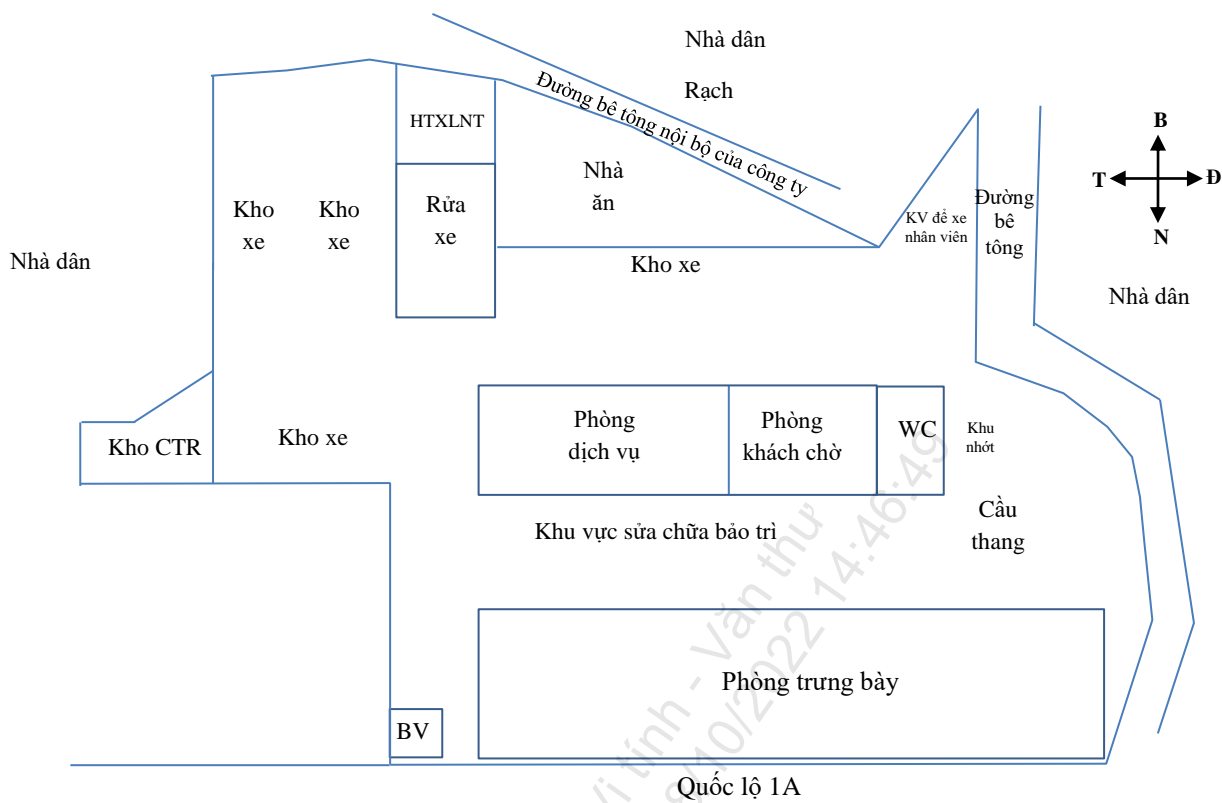
Thời gian hoạt động:

- Ngày hoạt động: Từ thứ 2 đến nửa buổi sáng thứ 7, chủ nhật nghỉ.
- Giờ làm việc: 8h sáng đến 17h chiều.

Địa giới hành chính khu vực có các mặt tiếp giáp với:

- + Phía Đông giáp với nhà dân và đường bê tông nhỏ;
- + Phía Tây giáp với nhà dân;
- + Phía Nam giáp với Quốc lộ 1A;
- + Phía Bắc giáp với nhà dân và con rạch.

Vị trí hoạt động của công ty được minh họa theo hình vẽ bên dưới như sau:



Hình 1.3 Mặt bằng vị trí hoạt động của công ty

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch sử dụng đất: Công ty TNHH MTV Ô Tô Trường Hải Tiền Giang có địa chỉ hoạt động tại khu phố 2, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam, đây là khu vực có mật độ tập trung dân cư cao, vị trí công ty giáp ranh tuyến đường lớn Quốc lộ 1A, xung quanh đã được xây dựng các hệ thống công rãnh thoát nước hoàn chỉnh, khu vực nơi đây theo quy hoạch sử dụng đất thì đất sử dụng chủ yếu là đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị, đất thương mại dịch vụ. Đất sử dụng tại công ty có 1 phần là đất sản xuất kinh doanh, phần còn lại được công ty thuê là đất vườn theo đánh giá là phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch sử dụng đất.

Sự phù hợp của cơ sở với phân vùng môi trường: Công ty TNHH MTV Ô Tô Trường Hải Tiền Giang hoạt động tại khu phố 2, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam, khu vực hoạt động của công ty nằm trong khu dân cư thuộc thành phố Mỹ Tho, nước thải phát sinh tại nơi đây theo phân vùng môi trường là nước chủ yếu sử dụng cho mục đích sinh hoạt, tất cả nước thải phát sinh trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đạt QCVN cột A. Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A, ($C_{\max} = C \times k_q \times k_f$; $k_q = 0,9$; $k_f = 1,2$) trước khi xả vào rạch nên phù hợp với quy hoạch phân vùng môi trường.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Môi trường nước:

Nguồn tiếp nhận nước thải của công ty là rạch, con rạch này thông với lưu vực sông Bảo Định, con sông được sử dụng cho mục đích sử dụng nước sinh hoạt vì vậy theo quy định nước thải trước khi xả vào lưu vực sông phải được xử lý đạt cột A.

Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày, nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A, ($C_{\max} = C \times k_q \times k_f$; $k_q = 0,9$; $k_f = 1,2$) nên hạn chế nồng độ ô nhiễm khi xả vào nguồn tiếp nhận vì vậy phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường nước.

Môi trường không khí:

Khí thải phát sinh tại công ty được công ty thu gom, quản lý và xử lý theo quy định, do mật độ phát thải không lớn và tần suất phát thải không thường xuyên, công suất phát thải nhỏ nên ít ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh vì vậy hoạt động của công ty phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường không khí.

HĐND - UBND Thành Phố Mỹ Tho - 18/10/2022 14:46:49
Nguyễn Văn Sơn - Tổ Vệ tinh - Văn thư

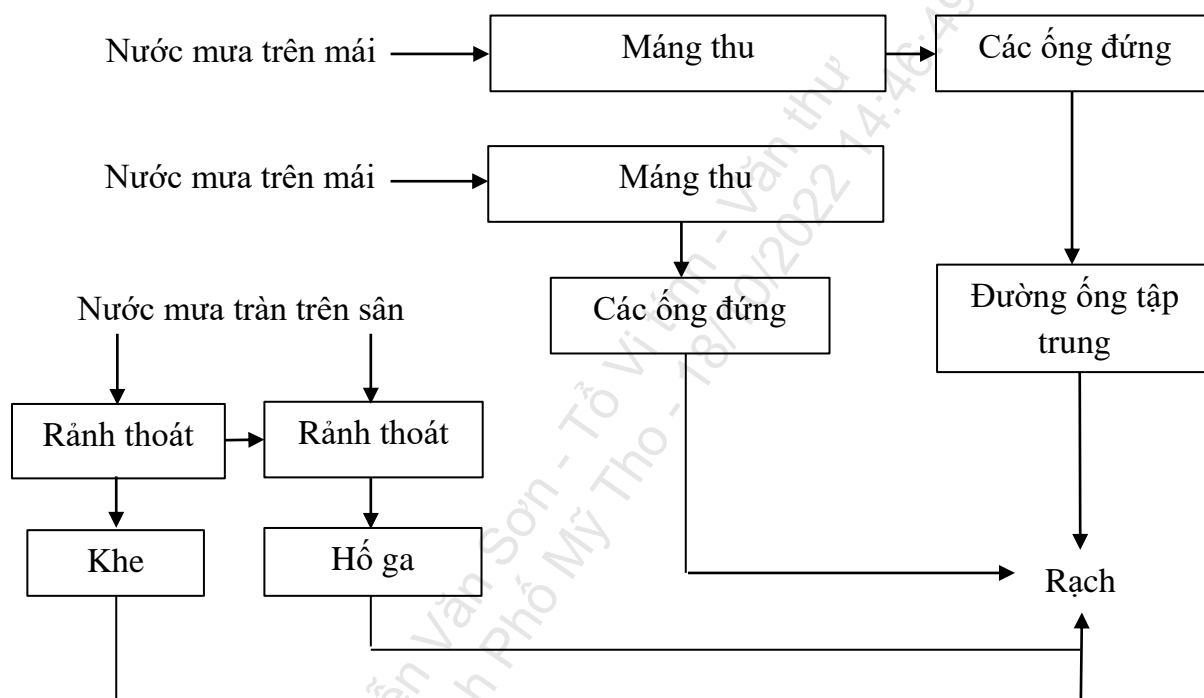
CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Nước mưa phát sinh tại công ty chủ yếu là nước mưa trên mái nhà và trên sân. Công ty đã xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa, hệ thống hoạt động theo nguyên tắc tự chảy, chi tiết theo sơ đồ sau:



Hình 3.1 Sơ đồ quy trình thu gom, thoát nước mưa

Thuyết minh quy trình: Nước mưa được thu gom từ hai vị trí: Trên mái nhà và trên sân

Trên mái nhà: Dưa và các hạng xây dựng tại công ty, việc thu gom nước mưa trên mái được chia thành 2 điểm thu:

+ Điểm 1: Trên mái nhà khu vực từ phòng dịch vụ, phòng khách chờ, khu vực sửa chữa bảo trì đến phòng trưng bày nước mưa khi phát sinh sẽ tự chảy theo độ dốc mái xuống máng thu có kích thước rộng 2,5 tất, cao 1,5 tất, tole. Nước mưa qua máng thu chảy vào các ống đứng $\Phi 90$, nhựa PVC, các ống đứng này dẫn nước mưa xuống đường ống tập trung $\Phi 168$, nhựa PVC, đường ống này dẫn nước mưa chảy ra rạch.

+ Điểm 2: Trên mái nhà khu vực từ kho xe, nhà ăn, khu để xe nhân viên, khu rửa xe, hệ thống xử lý nước thải nước mưa khi phát sinh theo độ dốc mái tự chảy xuống máng

thu có kích thước rộng 2,5 tất, cao 1,5 tất, tole. Nước mưa qua máng thu chảy vào các ống đứng $\Phi 90$, nhựa PVC, các ống đứng này dẫn nước mưa chảy ra rạch.

Nước mưa chảy tràn trên sân: Được thu gom thoát nước tại 2 điểm:

+ Điểm 1: Nước mưa chảy tràn trên sân được thu gom tại khu vực kho xe gần khu rửa xe theo rãnh thu nhỏ có độ sâu 1cm, rộng khoảng 5cm, từ rãnh nhỏ này nước mưa chảy tập trung về rãnh thoát, rộng khoảng 15cm, sâu 15cm, từ rãnh thoát, nước mưa dẫn về hố ga, dài 4 tất, rộng 4 tất, cao 3 tất, từ hố ra nước mưa theo ống PCV, $\Phi 60$ chảy thoát vào rạch.

+ Điểm 2: Nước mưa chảy tràn trên sân được thu gom tại khu vực kho xe gần khu rửa xe theo rãnh thu nhỏ có độ sâu 1cm, rộng khoảng 5cm, từ rãnh nhỏ này nước mưa một phần chảy về rãnh thoát và thu gom như Điểm 1, một phần chảy vào khe đi qua vách tường rào đổ thẳng vào rạch.

Thông số kỹ thuật cơ bản của công trình thu gom nước mưa:

Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật cơ bản của công trình thu gom, thoát nước mưa

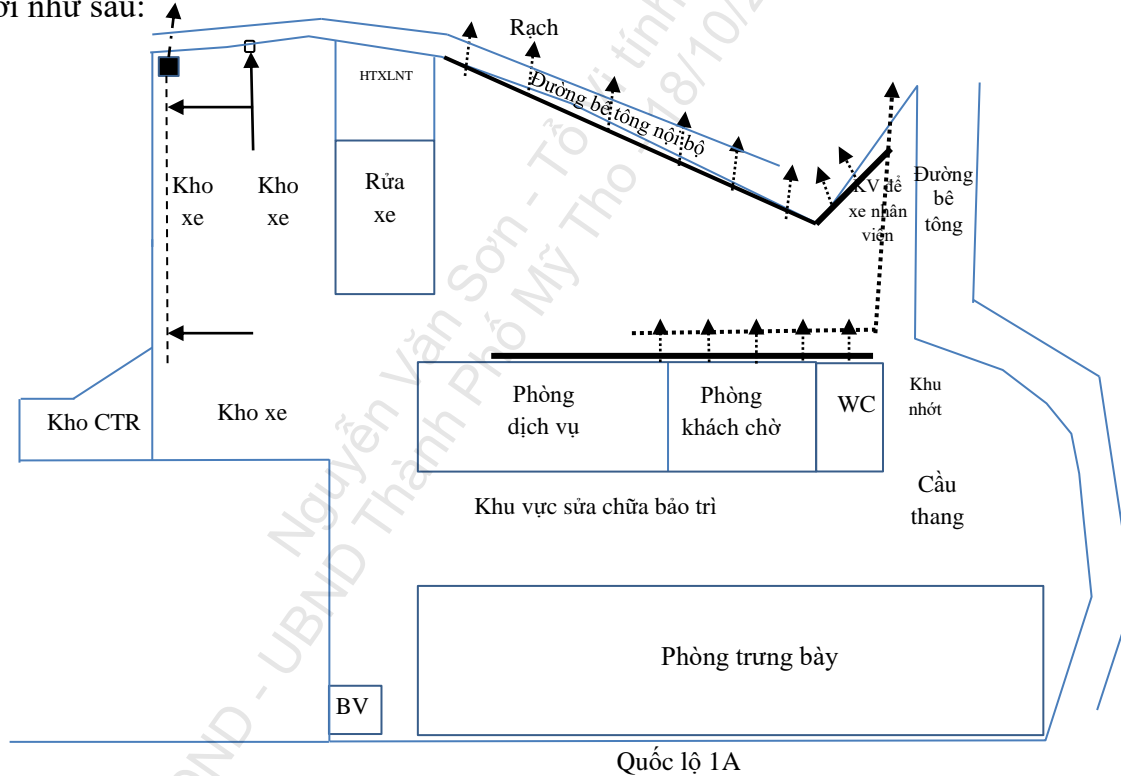
STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Đơn vị	Kích thước Dài x rộng x cao (m)	Kết cấu
Thu nước mưa trên mái					
1	Máng thu nước mưa tại Điểm 1	01	Máng	rộng 2,5 tất, cao 1,5 tất	Tole
2	Các ống đứng thu nước mưa tại Điểm 1	05	Ống	$\Phi 90$	Nhựa PVC
3	Ống tập trung tại Điểm 1	01	Ống	$\Phi 168$	Nhựa PVC
4	Máng thu nước mưa tại Điểm 2	01	Máng	Rộng 2,5 tất, cao 1,5 tất	Tole
5	Ống đứng thu nước mưa tại Điểm 2	10	Ống	$\Phi 90$	Nhựa PVC
Thu nước mưa trên sân					
1	Rãnh thu nhỏ tại điểm 1	02	Rãnh	Độ sâu 1cm, rộng khoảng 5cm	Xi măng

2	Rãnh thoát	01	Rãnh	Rộng khoảng 15cm, sâu 15cm	Gạch
3	Hố ga	01	Hố	Dài 4 tất, rộng 4 tất, cao 3 tất	Gạch
4	Ống thoát	01	Ống	Φ 60	PCV
5	Rãnh thu nhỏ tại điểm 2	01	Rãnh	Độ sâu 1cm, rộng khoảng 5cm	Xi măng
6	Khe	01	Khe	Φ 34	PCV

(Nguồn: công ty TNHH MTV Ô Tô Trường Hải Tiền Giang)

Các biện pháp thu gom, thoát nước mưa khác: Không có.

- Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước mưa: Theo sơ đồ bên dưới như sau:



Ghi chú:

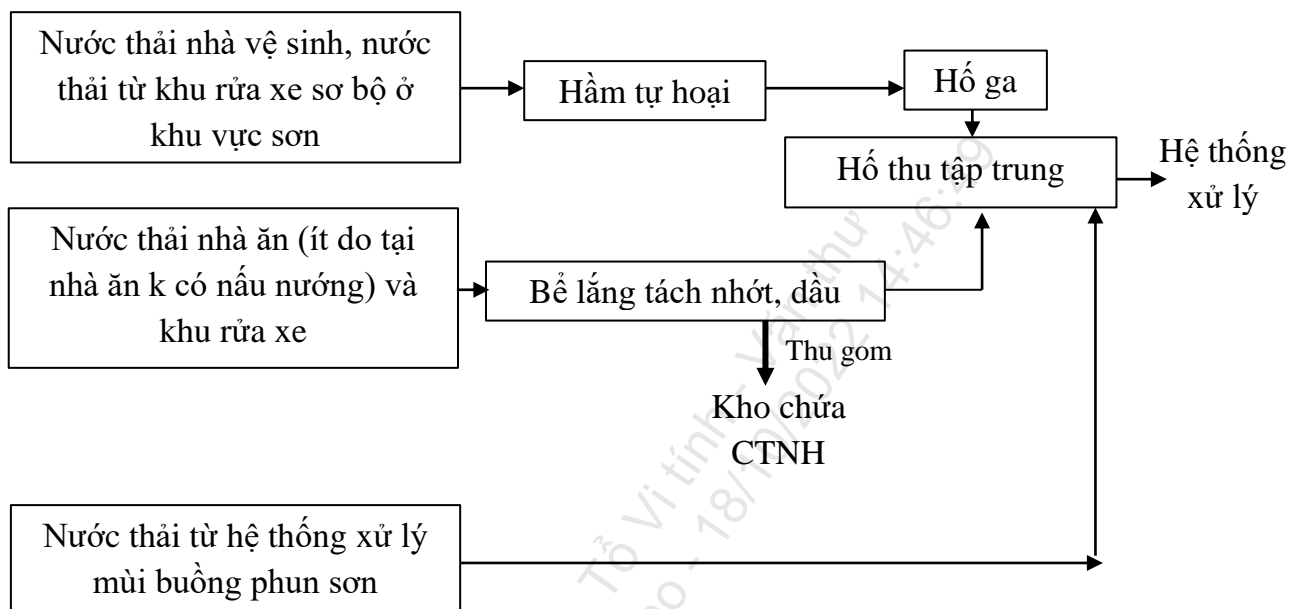
- Máng thu: ————— Hố ga: ■ Khe: □
 Rãnh thoát: - - - - - Rãnh thu nhỏ: ———→ Ống tập trung phi 168:▶
 Ống đứng phi 90:▶ Ống thoát phi 60: - - - -▶

Hình 3.2 Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước mưa

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

1.2.1. Công trình thu gom nước thải

Nước thải phát sinh tại công ty chủ yếu là nước thải sinh hoạt, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải và nước thải từ các hoạt động dịch vụ. Để kiểm soát lượng nước thải phát sinh, công ty đã xây dựng hệ thống thu gom nước thải này, chi tiết theo sơ đồ sau:



Hình 3.3 Quy trình thu gom nước thải sinh hoạt, nước thải dịch vụ

Thuyết minh quy trình:

- Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh, từ khu rửa xe sơ bộ ở khu vực sơn sẽ theo ống dẫn phi 60 m dẫn vào hầm tự hoại có thể tích $V = 4 \text{ m}^3$ gồm 3 ngăn, ngăn chứa, ngăn lắng và ngăn lọc. Các chất ô nhiễm có trong thành phần nước thải được đưa đến ngăn chứa, tại ngăn chứa lắp đặt ống thông hơi thoát khí, cặn vô cơ kích thước lớn sẽ được lắng tại bể này. Nước sau đó chảy sang ngăn lắng, tại đây các chất ô nhiễm hữu cơ được phân hủy tạo thành khí CH_4 , CO_2 ... dưới tác dụng của các vi sinh vật trong điều kiện yếm khí, cặn có trong nước thải được lên men và lắng đọng xuống đáy bể, phần nước trong sau phân hủy được tách ra đưa sang ngăn lọc chứa vật liệu lọc, nước sau khi lọc theo ống dẫn phi 90m, PVC chảy vào hố ga. Từ hố ga nước thải theo đường ống dẫn phi 90m, PVC chảy vào hố thu tập trung.

- Nước thải phát sinh từ nhà ăn, khu rửa xe sẽ chảy xuống bể lắng tách nhớt, dầu có 4 ngăn, thể tích $10,92 \text{ m}^3$, bể này giữ nhiệm vụ tách nhớt, dầu và lắng cặn. Dưới tác dụng của trọng lực, các cặn với kích thước lớn sẽ lắng dưới đáy còn phần dầu nhẹ sẽ nổi lên trên bề mặt. Nước thải sau khi lắng sẽ theo ống dẫn phi 200m, PVC chảy vào hố thu tập trung.

Nước thải từ hệ thống xử lý mùi buồng phun sơn sẽ theo đường ống phi 48 dẫn vào hố tập trung.

Dầu, nhớt định kỳ 6 tháng/lần sẽ được vớt lên và lưu trữ vào kho chứa CTNH.

Thông số kỹ thuật cơ bản của công trình thu gom nước thải sinh hoạt, nước thải dịch vụ:

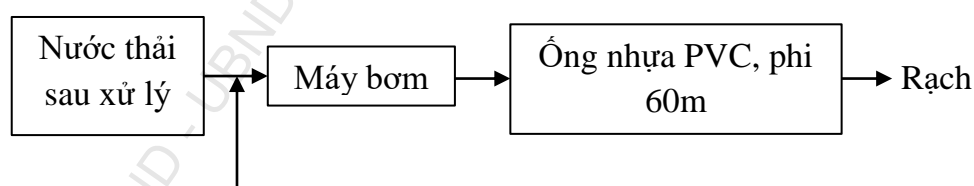
Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật cơ bản của công trình thu gom nước thải sinh hoạt, nước thải dịch vụ

STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Đơn vị	Kích thước Dài x rộng x cao (m)	Kết cấu
1	Hầm tự hoại	01	Hầm	4m x 1m x 1m	Bê tông cốt thép
2	Bể lắng tách nhớt dầu 4 ngăn	01	BỂ	4m x 1,4m x 1,95m	Gạch đin dày 20cm
3	Hố ga thu gom nước sau hầm tự hoại	01	Hố	1m x 1m x 1,1m	Bê tông cốt thép
4	Hố thu tập trung	01	Hố	1m x 1m x 1,1m	Bê tông cốt thép

(Nguồn: công ty TNHH MTV Ô Tô Trường Hải Tiền Giang)

1.2.2 Công trình thoát nước thải

Nước thải của công ty được dẫn thoát thông qua hệ thống đường ống phi 60m, PVC, quy trình thoát nước thải theo sơ đồ sau:



Đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A, ($C_{\max} = C \times k_q \times k_f$; $k_q = 0,9$; $k_f = 1,2$)

Hình 3.4 Quy trình thoát nước thải sinh hoạt, nước thải dịch vụ

Thuyết minh: Nước thải sau xử lý được máy bơm bơm đẩy vào ống dẫn ϕ 60, PVC dẫn thải vào con rạch giáp ranh công ty

Bảng 3.3. Thông số kỹ thuật cơ bản của công trình thoát nước thải sinh hoạt, nước thải dịch vụ

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Thông số kỹ thuật
1	Bơm trục ngang	Cái	02	Ebara, Italia	Loại bơm: Trục ngang Cột áp 10 m, N= 1HP, Q =2m ³ /h Điện áp 380V,50Hz, 3 pha
2	Ống dẫn	Ống	01	Việt Nam	φ 60, nhựa PVC, chiều dài khoảng 8 m

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Ô Tô Trường Hải Tiền Giang)

1.2.3. Điểm xả nước thải sau xử lý

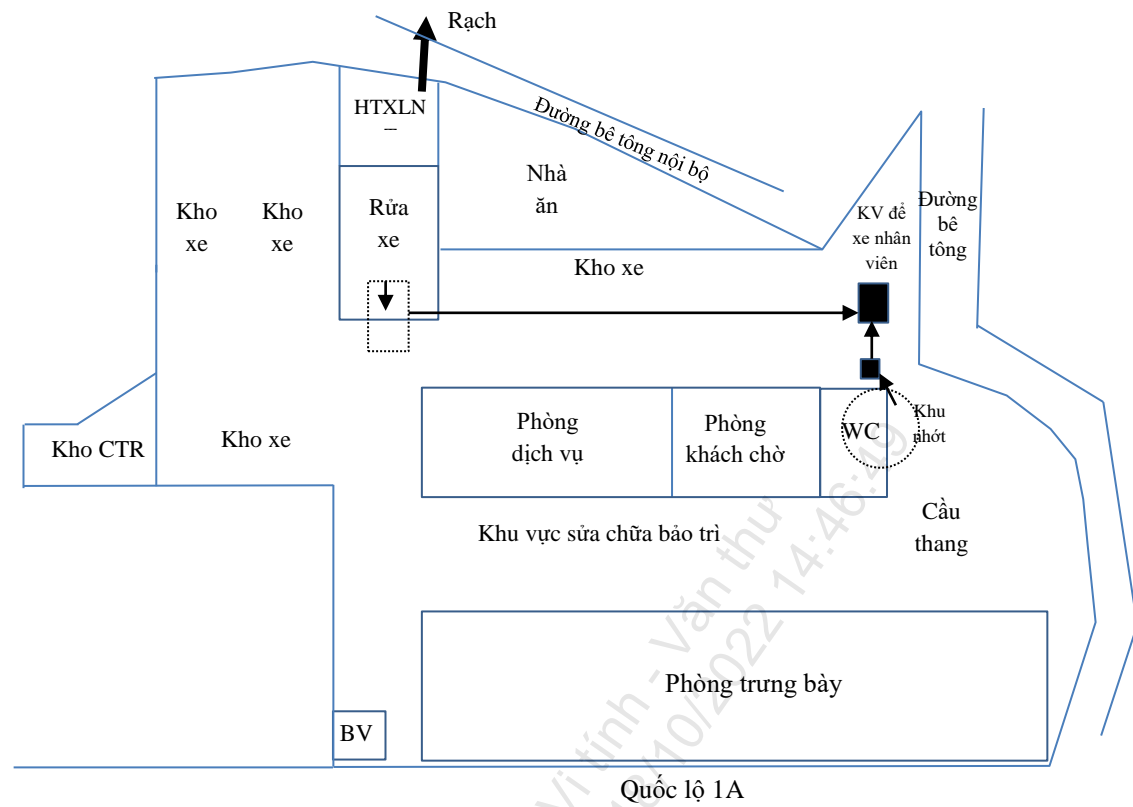
- Cửa xả nước thải: Ống xả φ60, dài khoảng 8m, nhựa PVC.
- Loại công trình: Công trình cống/ống xả nước thải cấp V (Mục 2.10 phụ lục 2, Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của BXD).
- Chế độ xả nước thải: Xả theo mẻ, cách 12 giờ xả 1 lần, thời gian xả hằng ngày.
- Điểm xả nước thải: Nước thải sau xử lý theo đường ống được máy bơm bơm đẩy thoát vào rạch

- Tọa độ điểm xả: X = 1148964 ; Y = 564331 (tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°).

- Nguồn tiếp nhận nước thải : Rạch giáp ranh công ty có chiều rộng khoảng 1,5m, độ dài chảy dọc theo đường bê tông nội bộ của công ty chảy ngang qua khu vực dân cư và đổ vào lưu vực sông Bảo Định.

Đánh giá sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định đối với nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A, ($C_{max} = C \times k_q \times k_f$; $k_q = 0,9$; $k_f = 1,2$), đường ống dẫn nước thải sau xử lý bắt ngang qua đường nội bộ công ty và dẫn vào rạch, điểm xả có vị trí sát bờ, không gây cản trở dòng chảy tự nhiên trên rạch.

- Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải: Theo sơ đồ bên dưới như sau:



Ghi chú:

- Hố thu tập trung ; ○ Hầm tự hoại ; ➔ Đường thoát nước thải
- Hố ga ; □ Bể lắng tách nhớt dầu ; ➔ Đường thu gom nước thải

Hình 3.5 Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải

1.2.4. Các biện pháp thu gom, thoát nước thải khác: Không có

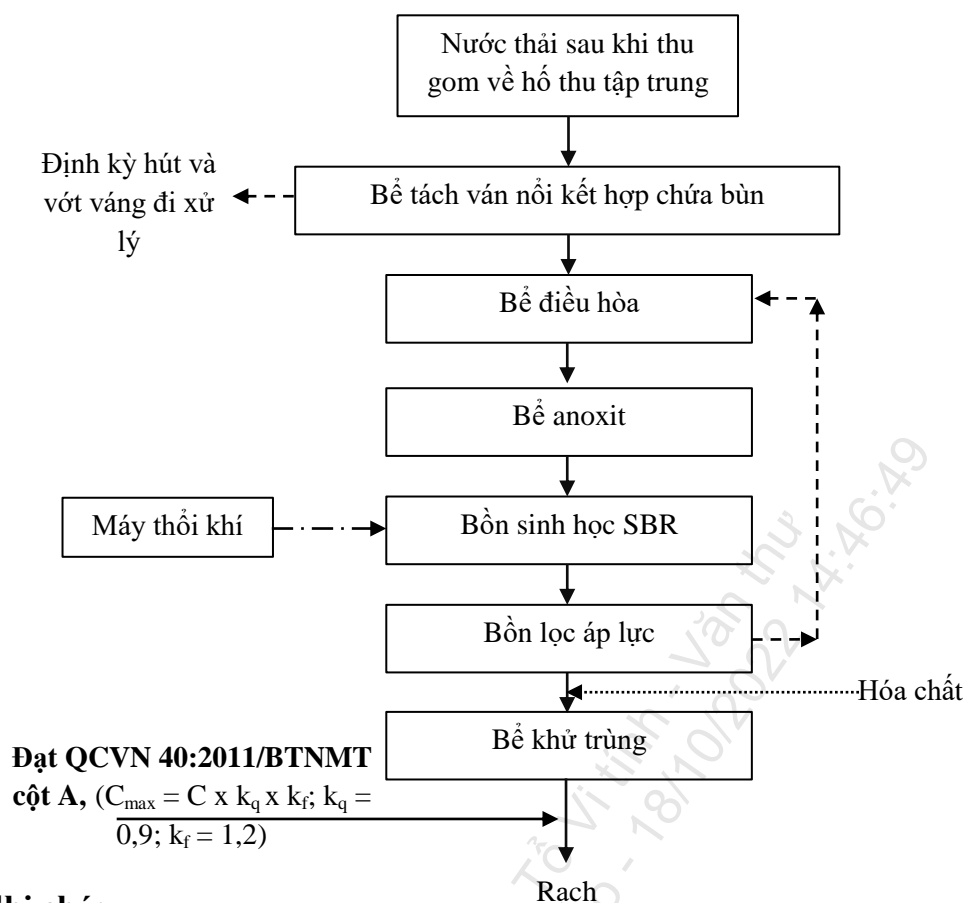
1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Công trình xử lý nước thải đã được xây dựng, lắp đặt

Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, thu gom xử lý nước thải từ hoạt động dịch vụ, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải và nước thải sinh hoạt để xử lý với công suất hệ thống là 10 m³/ngày.

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT cột A, ($C_{max} = C \times k_q \times k_f$; $k_q = 0,9$; $k_f = 1,2$);

Quy trình hệ thống theo sơ đồ sau:



Ghi chú:

- Đường nước: —————>
- Đường hóa chất:>
- Đường khí: - - - - ->
- Đường bùn: - - - - ->

Hình 3.6 Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải dịch vụ

Thuyết minh quy trình:

Nước thải từ quá trình sinh hoạt của cơ sở sẽ được thu gom về hố thu.

Tiếp theo nước thải tiếp tục được bơm đẩy sang bể tách vẩn nổi kết hợp chứa bùn, tại đây các vẩn nổi sẽ được lưu lại không cho chảy sang công trình tiếp theo.

Sau đó nước sẽ tự chảy sang bể điều hòa, bể điều hòa có tác dụng điều hòa lưu lượng và nồng độ chất ô nhiễm có trong nước thải giúp hiệu quả xử lý của các công trình phía sau được ổn định.

Tiếp theo nước thải sẽ được bơm sang bể anoxic, bể anoxic có tác dụng khử nito, photpho có trong nước thải (phát sinh từ phân và nước tiểu) dưới tác dụng của vi sinh vật thiếu khí.

Tiếp theo nước thải sẽ tự chảy sang bể sinh học SBR.

Thông qua việc cung cấp oxi nhân tạo tại bể sinh học SBR, các vi sinh vật hiếu khí sẽ tiết enzyme nội bào phân hủy các chất hữu cơ trong nước thải. Bể có nhiệm vụ phân hủy các chất hữu cơ như BOD, COD dưới tác dụng của vi sinh vật hiếu khí theo mẻ, các vi sinh này sẽ sử dụng O_2 tiết emzym nội bào phân hủy các hợp chất hữu cơ thành CO_2 và H_2O , oxi trong bể được cung cấp thông qua hệ thống phân phối khí.

Sau giai đoạn xử lý tại bể sinh học SBR, hỗn hợp bùn vi sinh và nước trong đã xử lý sẽ có thời gian lắng, phần nước trong sau lắng được máy bơm hút qua bồn lọc áp lực.

Tại bồn lọc áp lực, cặn lơ lửng còn sót lại sẽ được loại bỏ triệt để sau đó nước sẽ chảy vào bể khử trùng.

Bể khử trùng nước được khử trùng bằng Chlorine, việc khử trùng trước khi xả vào nguồn tiếp nhận là bước quan trọng giúp tiêu diệt các vi sinh vật gây hại như Ecoli, Coliform, Salmonela.

Bùn từ bồn lọc được đưa về bể tách ván nổi kết hợp chứa bùn định kỳ thu gom xử lý theo quy định.

Ván nổi tại bể tách ván nổi kết hợp chứa bùn định kỳ được thu gom xử lý theo quy định.

Nước sau khử trùng đạt QCVN 40:2011/BTNMT giá trị C cột A, ($C_{max} = C \times k_q \times k_f$; $k_q = 0,9$; $k_f = 1,2$) được phép xả vào rạch.

Chế độ vận hành: Được thực hiện theo phương pháp tự động hoặc theo thủ công bằng thao tác tay trên tủ điện.

Hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng trong vận hành:

- Chlorine: 500 g/ngày

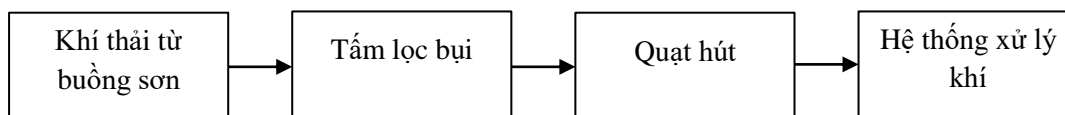
Định mức tiêu hao điện năng: Hệ thống xử lý nước thải đang hoạt động tiêu thụ 77,64 kw/ngày lượng điện.

1.3.2. Các biện pháp xử lý nước thải khác: Không có

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Công trình thu gom bụi, khí thải trước khi xử lý

Khí thải phát sinh tại công ty chủ yếu là khí từ buồng sơn. Quy trình thu gom theo sơ đồ sau:



Hình 3.7. Sơ đồ quy trình hệ thống thu gom khí thải phun sơn

Thuyết minh quy trình: Hệ thống thu gom nguồn khí thải này cũng chính là buồng phun sơn, buồng phun được xây dựng với kết cấu khép kín, khí thải từ quá trình sơn xe khi phát sinh sẽ được quạt hút hút vào hệ thống xử lý khí, trước quạt hút có lắp đặt các tấm vải lọc bụi, các tấm vải này đặt tại vị trí phía bên dưới của buồng nhằm ngăn giữ bụi trước khi vào công trình xử lý. Định kỳ nhân viên sẽ tiến hành thay tấm lọc bụi 1 lần.

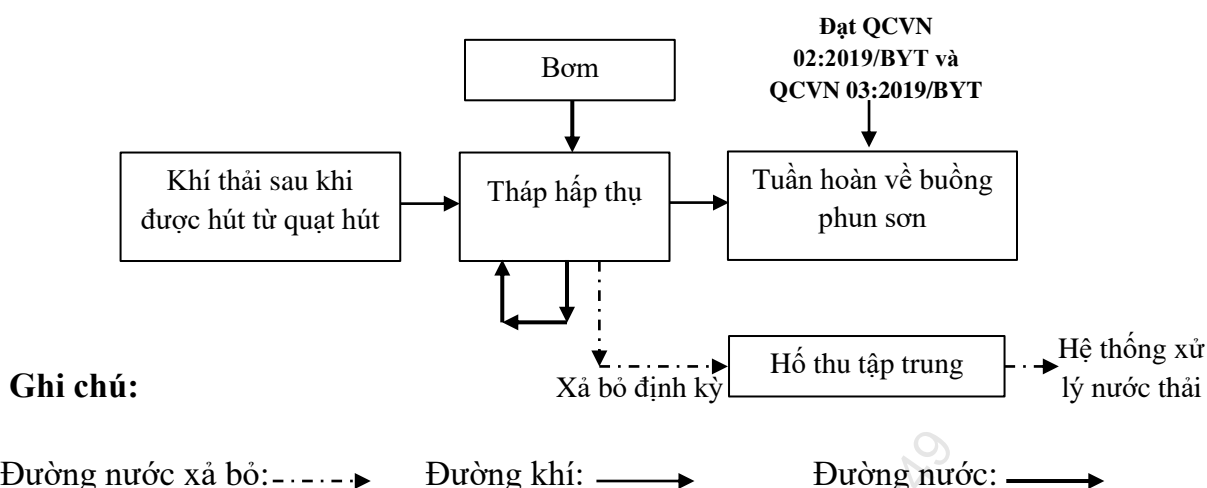
Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật cơ bản của công trình thu gom nước thải sinh hoạt, nước thải dịch vụ

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Thông số kỹ thuật
1	Buồng phun sơn	m ²	20	Việt Nam	Tôn mạ màu (colorbond) dày 0,5 đến 0,8mm - Tôn phủ PVC dày 0,5 đến 0,8mm - Inox dày 0,5 đến 0,8 mm Lớp cách nhiệt polyurethan (PU) KT : 5m x 4m x 3,5m
2	Quạt hút khí vào hệ thống xử lý	Cái	01	Taiwan	Thép, CS: 5HP Cột áp 1000 – 1500Pa CS 3.7KW*380V*4P
3	Tấm lọc bụi (vị trí bên dưới buồng)	Tấm	02	Taiwan	Dài 6m rộng 0,7m, bằng vải, dày 5 phân
4	Đường ống dẫn khí vào HTXL	Ống	01	Việt Nam	φ 1000, thép, chiều dài khoảng 8 m

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Ô Tô Trường Hải Tiền Giang)

2.2. Công trình xử lý bụi, khí thải đã được xây dựng, lắp đặt

Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý khí thải từ buồng phun sơn, quy trình hệ thống theo sơ đồ sau:



Hình 3.8. Sơ đồ quy trình hệ thống xử lý khí thải phun sơn

Thuyết minh quy trình: Khí thải từ buồng sơn sau khi được hút từ quạt hút sẽ được dẫn đến tháp hấp thụ, tại tháp dung dịch nước sẽ được máy bơm nước bơm dẫn đến hệ thống béc phun, các béc phun được bố trí dọc theo chiều dài của tháp, dung dịch nước khi đi qua béc phun sẽ tạo thành một lớp sương mù trong toàn bộ không gian của tháp. Khí thải sau khi được quạt hút đưa đến tháp sẽ được tiếp xúc với dung dịch nước, các khí ô nhiễm từ quá trình sơn sẽ được giữ lại bởi nước. Sau khi hấp thụ dung dịch nước sẽ được tuần hoàn và tái sử dụng lại. Phần khí sạch được quạt hút hút tuần hoàn về trở lại buồng phun sơn, trước khi vào buồng phun không khí ẩm được giữ lại thông qua vải lọc đặt ở vị trí phía trên buồng.

Định kỳ khoảng 1 tuần sẽ tiến hành thay nước một lần, phần nước xả bỏ được dẫn đến hố thu tập trung của hệ thống xử lý nước thải.

Quy trình vận hành: Khi buồng sơn hoạt động sơn xe cho khách hàng, nhân công tại đây sẽ bật nút khởi động hệ thống xử lý, khi kết thúc quy trình sơn, nhân công tắt nút khởi động, hệ thống ngừng hoạt động.

Chế độ vận hành: Được thực hiện theo phương pháp thủ công bằng thao tác tay trên tủ điện.

Hóa chất sử dụng trong vận hành công trình: Không có.

Yêu cầu về quy chuẩn áp dụng đối với bụi sau xử lý: Khí thải phát sinh tại buồng sơn sau khi xử lý không thải ra môi trường bên ngoài mà thải ngược về buồng sơn nên không áp dụng quy chuẩn môi trường mà sẽ áp dụng quy chuẩn vệ sinh môi trường lao động QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc và QCVN 03:2019/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

Các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác:

Tại khu vực chuẩn bị bề mặt và khu sửa chữa thân vỏ trên lầu 1 của công ty có phát sinh bụi từ công đoạn chà nhám xe, công ty có sử dụng máy hút bụi để thu gom bụi phát sinh trong hoạt động, máy hút có công suất 5HP, số lượng máy là 01, bụi thu được định kỳ sẽ thu gom cùng với CTR nguy hại.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

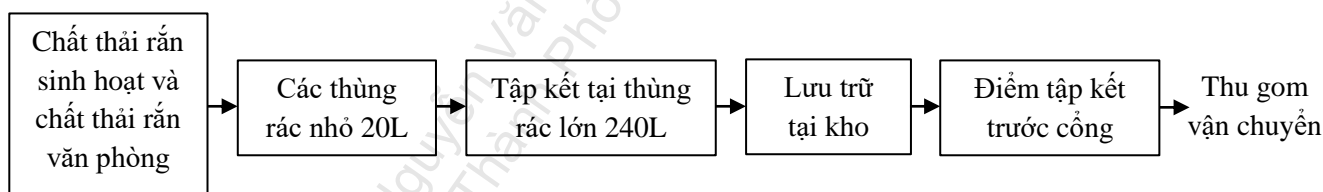
3.1. Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn văn phòng

Chất thải rắn sinh hoạt: Quá trình ăn uống tại nhà ăn và hoạt động sinh hoạt của nhân viên trong công ty phát sinh chất thải rắn sinh hoạt.

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh chủ yếu là thực phẩm thừa, hộp cơm, bao bì, vỏ thuốc lá, bã cà phê, bã trà, chai nhựa, giấy vệ sinh....Khối lượng phát sinh khoảng 35 kg/ngày.

Chất thải rắn văn phòng: Hoạt động văn phòng như in ấn, pho to, ký tên... làm phát sinh chất thải rắn, thành phần các chất thải này bao gồm: Giấy thải bỏ, bút, thước hỏng, bìa cứng, các dụng cụ văn phòng khác... Khối lượng phát sinh khoảng 2,7 kg/ngày.

Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn văn phòng: Công ty đã xây dựng quy trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, quy trình thu gom theo sơ đồ sau:



Hình 3.9. Quy trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn

Thuyết minh quy trình: Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn văn phòng khi phát sinh được nhân viên cho vào thùng rác nhỏ kích thước 20L, sáng ngày kế tiếp nhân viên lao công sẽ bắt đầu thu gom và tập kết vào thùng rác lớn 240L và lưu trữ tại kho chứa, đối với các loại chất thải rắn văn phòng có khả năng tái chế như giấy, chai nhựa, lon nước lao công sẽ phân loại riêng và để riêng. Cách 2 ngày/lần thùng rác lưu trữ tại kho sẽ được nhân viên vận chuyển đến điểm tập kết rác trước cổng chờ xe đến để thu gom vận chuyển đến bãi đổ, các chất thải rắn văn phòng còn lại sau khi phân loại được lao công bán lại cho ve chai thu mua. Việc thu gom thông qua hợp đồng ký kết giữ công ty và đơn vị có chức năng.

Thông số kỹ thuật khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn văn phòng:

Bảng 3.5. Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn văn phòng

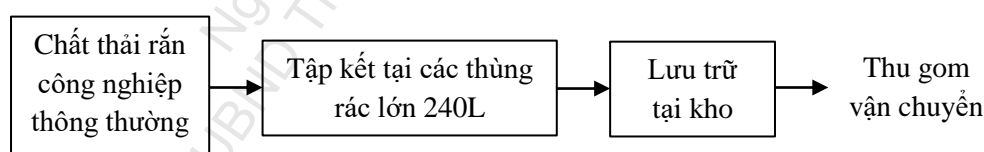
STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Đơn vị	Thông số kỹ thuật
1	Kho lưu chứa chất thải rắn	01	Kho	- Diện tích: 10 m ² - Được xây dựng theo kết cấu nhà tiền chế, vách tole, mái tole, sàn xi măng, bên trong được phân thành nhiều khu vực để lưu chứa nhiều loại chất thải. - Mục đích sử dụng: Dùng để lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn văn phòng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

3.2. Công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Hoạt động bảo trì bảo dưỡng, sơn và rửa xe tại công ty phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường, thành phần và khối lượng các chất thải này bao gồm:

- Thùng giấy: 120 kg/tháng
- Vỏ xe: 120 kg/tuần
- Kính vỡ: 30 kg/tuần
- Bìa carton: 10 kg/tuần
- Các loại phụ tùng xe khác: 20 kg/tuần

Thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường:



Hình 3.10. Quy trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn

Thuyết minh quy trình: Chất thải rắn công nghiệp thông thường khi phát sinh được nhân viên thu gom và tập kết vào thùng rác lớn 240L đặt trong kho. Khoản 2 tuần/lần chất thải sẽ được thu gom cùng với chất thải nguy hại bằng xe chuyên dụng thu gom vận chuyển đi xử lý. Việc thu gom thông qua hợp đồng ký kết giữ công ty và đơn vị có chức năng.

Thông số kỹ thuật khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Bảng 3.6. Khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Đơn vị	Thông số kỹ thuật
1	Kho lưu chứa chất thải rắn	01	Kho	- Diện tích: 10 m ² - Được xây dựng theo kết cấu nhà tiền chế, vách tole, mái tole, sàn xi măng, bên trong được phân thành nhiều khu vực để lưu chứa nhiều loại chất thải. - Mục đích sử dụng: Dùng để lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn văn phòng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

Công trình xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường tự phát sinh trong khuôn viên cơ sở: Không có.

Các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường khác: Không có.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

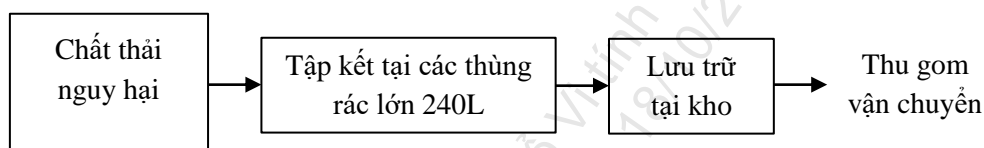
Chất thải nguy hại: Phát sinh từ hoạt động bảo trì bảo dưỡng, sơn và rửa xe, thành phần chất thải này theo bảng bên dưới như sau:

Bảng 3.7. Danh mục chất thải nguy hại phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Số lượng trung bình (kg/tháng)
1	Giẻ lau dính dầu nhớt/ dính bụi sơn	Rắn	2.500	208,3
2	Bùn thải lẫn dầu	Bùn	100	8,3
3	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	Rắn	100	8,3
4	Nhớt thải	Lỏng	25.000	2.083,3
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	50	4,2
6	Thùng nhựa đựng nhớt thải, sơn	Rắn	400	33,3
7	Thùng sắt rỗng đựng sơn, nhớt	Rắn	400	33,3
8	Pin thải, ắc quy thải	Rắn	50	4,2
9	Vật thể đã qua sử dụng có thành phần nguy hại	Rắn	200	16,7
10	Các thiết bị, bộ phận có chứa thành phần nguy hại	Rắn	100	8,33

11	Hộp mực in thải	Rắn	50	4,2
12	Dung môi thải	Lỏng	400	33,3
13	Cặn sơn, nước nhiễm dầu	Lỏng	400	33,3
14	Thiết bị phanh đã qua sử dụng có chứa amiăng	Rắn	100	8,33
15	Giấy nhám dính sơn	Rắn	96	8
16	Bụi sơn	Rắn	96	8
17	Thảm lọc bụi dính sơn	Rắn	480	40
18	Tổng số lượng	-	30.522	2.544

Thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại:



Hình 3.11. Quy trình thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại

Thuyết minh quy trình: Chất thải nguy hại khi phát sinh được nhân viên thu gom và tập kết vào thùng rác lớn 240L đặt trong kho. Khoảng 2 tuần/lần chất thải sẽ được thu gom cùng với chất thải rắn công nghiệp thông thường bằng xe chuyên dụng thu gom vận chuyển đi xử lý. Việc thu gom thông qua hợp đồng ký kết giữ công ty và đơn vị có chức năng.

Thông số kỹ thuật khu vực lưu giữ chất thải nguy hại:

Bảng 3.8. Khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Đơn vị	Thông số kỹ thuật
1	Kho lưu chứa chất thải rắn	01	Kho	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích: 10 m² - Được xây dựng theo kết cấu nhà tiền chế, vách tole, mái tole, sàn xi măng, bên trong được phân thành nhiều khu vực để lưu chứa nhiều loại chất thải. - Mục đích sử dụng: Dùng để lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn văn phòng, chất thải rắn công nghiệp thông

				thường và chất thải nguy hại
--	--	--	--	------------------------------

Công trình xử lý chất thải nguy hại tự phát sinh tại cơ sở: Không có

Các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại khác: Không có

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Các hoạt động sửa chữa bảo dưỡng, rửa và sơn xe, hoạt động của các thiết bị trong phòng chờ hay hoạt động giao dịch mua bán và từ phương tiện giao thông làm phát sinh tiếng ồn, độ rung. Để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, công ty thực hiện biện pháp như sau:

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị.
- Xây dựng những gian phòng kín riêng biệt nhau hạn chế tiếng ồn.
- Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên 1 năm/lần.

Quy chuẩn áp dụng cho tiếng ồn: QCVN 24:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

Quy chuẩn áp dụng cho độ rung: QCVN 27:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - giá trị cho phép tại nơi làm việc.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Hiện tại công ty không có xây dựng công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động.

Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác: Không có.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: Không có.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt trong công ty (nhà vệ sinh, nhà ăn).

+ Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động rửa xe.

+ Nguồn số 03: Nước thải từ hệ thống xử lý mùi buồng phun sơn.

- **Lưu lượng xả nước thải tối đa:** Lưu lượng xả thải tối đa đề nghị cấp phép là 10 m³/ngày.

- **Dòng nước thải:** Nước thải sau xử lý thải vào con rạch giáp ranh bằng duy nhất 1 đường ống xả thải.

- **Thành phần các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:** Theo bảng sau

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

STT	Thành phần các chất ô nhiễm trong nước thải	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép phải đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A ($C_{max} = C \times k_q \times k_f$; $k_q = 0,9$; $k_f = 1,2$) trước khi xả vào rạch
1	pH	mg/l	6 - 9
2	BOD	mg/l	32,4
3	COD	mg/l	81
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	54
5	Sunfua	mg/l	0,216
6	Amoni	mg/l	5,4
7	Tổng Nitơ	mg/l	21,6
8	Tổng Photpho	mg/l	4,32
9	Clo dư	mg/l	1,08
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5,4

11	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000
-----------	----------	----------------	-------

Tác động: Nước thải khi phát sinh mà không được xử lý khi xả vào môi trường nước sẽ gây ô nhiễm nguồn nước mặt, làm biến đổi thành phần và chất lượng nước, làm thay đổi theo chiều xấu đi các tính chất vật lý hóa học, sinh học của nước với sự xuất hiện các chất lạ ở thể lỏng, rắn làm cho nguồn nước trở nên độc hại, làm giảm độ đa dạng sinh học trong nước, làm phát sinh các vi khuẩn gây bệnh, vi rút, ký sinh trùng. Con rạch tiếp nhận nước thải theo dòng nước đổ vào sông Bảo Định, đây là con sông lớn sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt cho người dân, khi con rạch ô nhiễm cũng sẽ kéo theo nguồn nước sông Bảo Định bị ô nhiễm, hậu quả sẽ gây chết sinh vật thủy sinh, làm ảnh hưởng hệ sinh thái tự nhiên, làm gia tăng tỷ lệ mắc các bệnh cấp và mãn tính như tiêu chảy, viêm màng kết, gây nhiễm kim loại nặng, thương hàn, bại liệt, tả...cho con người. Vì vậy cần phải xử lý nguồn thải đạt quy chuẩn theo quy định trước khi xả vào rạch.

Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Vị trí xả nước thải:

Ven bờ rạch, cách hệ thống xử lý nước thải khoảng 3m.

Tọa độ địa lý: X= 1148964; Y=564331

- Phương thức xả thải: Sử dụng máy bơm, bơm đẩy nước.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Rạch giáp ranh công ty.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh khí thải:

+ Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn xe.

+ Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông lưu thông tại công ty.

+ Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ công đoạn chà nhám tại khu vực sửa chữa thân vỏ và khu vực chuẩn bị bề mặt.

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: 6500 m³/h.

- Dòng khí thải:

+ Khí thải phun sơn từ buồng sơn sau khi xử lý được tuần hoàn về buồng sơn theo 1 đường ống dẫn.

+ Bụi phát sinh từ công đoạn chà nhám được hút thông qua máy và bụi được giữ lại trong thùng chứa của máy.

- Thành phần các khí ô nhiễm và giá trị giới hạn của các khí ô nhiễm theo dòng khí thải buồng phun sơn:

Bảng 4.2. Các khí ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các khí ô nhiễm theo dòng khí thải buồng phun sơn

STT	Thành phần các khí ô nhiễm từ quá trình phun sơn	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép phải đạt QCVN 02:2019/BYT và QCVN 03:2019/BYT	Giới hạn tiếp xúc
1	Bụi hữu cơ và vô cơ không có quy định khác	mg/m ³	4	Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA)
2	Toluen	mg/m ³	300	Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
3	Khí NO ₂	mg/m ³	10	Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
4	Phenol	mg/m ³	4	Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA)
5	H ₂ S	mg/m ³	15	Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)

Tác động: Khí thải khi phát sinh mà không được xử lý khi xả vào môi trường sẽ gây ô nhiễm môi trường không khí, đối với con người khi hít phải các khí ô nhiễm một thời gian dài sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động.

Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận khí thải buồng phun sơn:

- Vị trí xả khí thải: Trong chính khu vực buồng phun sơn.
- Tọa độ địa lý: 106.338891, 10.389030
- Phương thức xả khí thải: Sử dụng quạt hút hút khí dẫn khí đi qua tấm lọc bụi đặt phía trên trần trước khi vào buồng sơn.
- Nguồn tiếp nhận khí thải: Buồng phun sơn.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- **Nguồn phát sinh:**
 - + Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, sơn xe.
 - + Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động rửa xe.
 - + Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trong công ty.

+ Nguồn số 04: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các thiết bị trong phòng chờ hay hoạt động giao dịch mua bán.

- **Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:**

+ Tiếng ồn:

Bảng 4.3. Giới hạn đối với tiếng ồn

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép phải đạt QCVN 24:2016/BYT	Giới hạn tiếp xúc
1	Tiếng ồn	dBA	85	Mức âm liên tục hoặc mức âm tương đương trong 8 giờ

+ Độ rung:

Bảng 4.4. Giới hạn đối với độ rung

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép phải đạt QCVN 27:2016/BYT		Dải tần số (Hz)
			Vận tốc rung (m/s)		
			Rung đứng	Rung ngang	
1	Độ rung	-	$2,5 \times 10^2$	$3,2 \times 10^2$	4 (2,8 – 5,6)

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Trong thời gian hoạt động, công ty có hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành quan trắc nước thải định kỳ hàng năm. Kết quả quan trắc nước thải định kỳ của năm liền kề trước thời điểm lập báo cáo đề xuất được tổng hợp chi tiết theo bảng bên dưới như sau:

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải trước xử lý định kỳ của năm liền kề trước thời điểm lập báo cáo đề xuất

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT cột A ($C_{max} = C$)
Nước thải của công ty trước hệ thống xử lý tập trung - Thời gian lấy mẫu: 01/12/2020				
1	pH	mg/L	7,43	6 - 9
2	BOD ₅	mgO ₂ /L	832	30
3	COD	mgO ₂ /L	1.363	75
4	TSS	mg/L	126	50
5	Sunfua	mg/L	6,35	0,2
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	47,8	5
7	Clo dư	mg/L	--	1
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	25,1	5
9	Tổng N	mg/L	85	20
10	Tổng P	mg/L	15,3	4
11	Coliform	MPN/100ml	8.000	3.000
Nước thải của công ty trước hệ thống xử lý tập trung - Thời gian lấy mẫu: 16/12/2021				
1	pH	-	6,39	6 - 9
2	TSS	mg/L	105	50
3	BOD ₅	mg/L	188	30
4	COD	mg/L	247	75

5	Tổng N	mg/L	35,3	20
6	Tổng P	mg/L	4,22	4
7	NH ₄ ⁺	mg/L	10,1	5
8	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	8,6	5
9	S ²⁻	mg/L	0,83	0,2
10	Clo dư	mg/L	-	1
11	Coliform	MPN/100ml	11.000	3.000

Nhận xét: Căn cứ theo bảng trên cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải qua mỗi năm dao động chứ không ổn định, nước thải trước khi xử lý của công ty trừ thông số pH ra thì tất cả các thông số còn lại tại bảng trên đều vượt ngưỡng so với quy chuẩn cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT cột A ($C_{max} = C$).

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý định kỳ của năm liền kề trước thời điểm lập báo cáo đề xuất

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT cột A ($C_{max} = C$)
Nước thải của công ty sau hệ thống xử lý tập trung - Thời gian lấy mẫu: 01/12/2020				
1	pH	mg/L	6,58	6 - 9
2	BOD ₅	mgO ₂ /L	10,4	30
3	COD	mgO ₂ /L	16	75
4	TSS	mg/L	22	50
5	Sunfua	mg/L	0,094	0,2
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	1,71	5
7	Clo dư	mg/L	KPH	1
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	2,4	5
9	Tổng N	mg/L	15,6	20
10	Tổng P	mg/L	0,425	4
11	Coliform	MPN/100ml	2.500	3.000

Nước thải của công ty sau hệ thống xử lý tập trung - Thời gian lấy mẫu: 16/12/2021				
1	pH	-	6,58	6 - 9
2	TSS	mg/L	19	50
3	BOD ₅	mg/L	16	30
4	COD	mg/L	35	75
5	Tổng N	mg/L	5,27	20
6	Tổng P	mg/L	0,49	4
7	NH ₄ ⁺	mg/L	KPH	5
8	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	0,75	5
9	S ²⁻	mg/L	KPH	0,2
10	Clo dư	mg/L	KPH	1
11	Coliform	MPN/100ml	1.800	3.000

(Nguồn: Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép xả thải vào nguồn nước tại công ty năm 2020, năm 2021)

Nhận xét: Căn cứ theo bảng trên cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sau khi xử lý mỗi năm cho kết quả dao động chứ không ổn định. Cũng theo tại bảng thì tất cả các thông số đều dưới ngưỡng so với quy chuẩn cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT cột A ($C_{\max} = C$).

Ghi chú: Giai đoạn năm 2020, 2021 công ty xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa của công ty trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung trên Quốc lộ 1. Vì điểm xả là hệ thống thoát nước nên $C_{\max} = C$.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Trong thời gian hoạt động, công ty có hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành quan trắc khí thải định kỳ hàng năm. Kết quả quan trắc khí thải định kỳ của năm liền kề trước thời điểm lập báo cáo đề xuất được tổng hợp chi tiết theo bảng bên dưới như sau:

Bảng 5.3. Kết quả quan trắc khí thải định kỳ của năm liền kề trước thời điểm lập báo cáo đề xuất

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 02:2019/BYT
1	Bụi các loại (không chứa silic)			Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA)
-	Khu làm đồng - sơn	-		-
+	Đầu	mg/m ³	4,054	≤ 4
+	Giữa	mg/m ³	5,214	≤ 4
+	Khu sửa chữa thân, vỏ	mg/m ³	4,321	≤ 4
2	Hơi khí độc Toluen			QCVN 03:2019/BYT
-	Khu làm đồng - sơn			-
+	Sơn sấy	mg/m ³	225,77	300
+	Pha sơn	mg/m ³	188,14	300
3	Hơi khí độc NO₂			QCVN 03:2019/BYT
-	Khu làm đồng - sơn			-
+	Làm đồng	mg/m ³	1,88	10
+	Sửa nhanh	mg/m ³	2,82	10

(Nguồn: Báo cáo kết quả quan trắc môi trường lao động tại công ty ngày 09 tháng 06 năm 2020)

3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo

Căn cứ theo đề án bảo vệ môi trường đơn giản năm 2017 của công ty thì công ty có thực hiện giám sát môi trường nước thải sau xử lý, tần suất quan trắc định kỳ 6 tháng/lần và đột suất khi có sự cố gây ô nhiễm môi trường hay khiếu nại của người dân trong khu vực vì vậy công ty không cần quan trắc nước thải, bụi, khí thải trong quá trình lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Việc vận hành thử nghiệm được thực hiện sau khi công ty hoàn thành xây dựng tất cả hệ thống xử lý chất thải. Chi tiết kế hoạch vận hành theo bảng sau:

Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành

STT	Hạng mục công trình xử lý chất thải	Kế hoạch vận hành thử nghiệm		Công suất đạt được tại thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm
		Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	
1	Hệ thống xử lý nước thải tập trung CS 10 m ³ /ngày	02/05/2022	14/06/2022	Buôn bán ô tô, xe bán tải: 150 chiếc/tháng.
2	Hệ thống xử lý khí thải buồng phun sơn CS: 6500 m ³ /h	02/05/2022	14/06/2022	Sửa chữa kèm bán phụ tùng, bảo dưỡng, rửa và sơn xe: 350 chiếc/tháng.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

1.2.1. Thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường

Nước thải tập trung (nước thải sinh hoạt, nước thải từ hoạt động dịch vụ, nước thải từ hệ thống xử lý khí từ buồng phun sơn):

+Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý nước thải từ ngày 02/05/2022 đến ngày 22/05/2022.

+Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải từ ngày 01/06/2022 đến ngày 03/06/2022.

Khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn:

+Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý khí thải từ ngày 02/05/2022 đến ngày 22/05/2022.

+Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải từ ngày 01/06/2022 đến ngày 03/06/2022.

1.2.2. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải

Nước thải tập trung (nước thải sinh hoạt, nước thải từ hoạt động dịch vụ, nước thải từ hệ thống xử lý khí từ buồng phun sơn):

+ Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất:

Lấy một mẫu đơn (lấy nước thải đầu vào tại hố thu nước thải tập trung của hệ thống xử lý nước thải)

Tần suất quan trắc: 10 ngày/lần

Thời gian dự kiến:

Đợt 1: Ngày 02/05/2022

Lấy một mẫu đơn (lấy nước thải đầu vào và đầu ra tại bể SBR và bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải)

Tần suất quan trắc: 10 ngày/lần

Đợt 2: Ngày 12/05/2022

Đợt 3: Ngày 22/05/2022

Thông số quan trắc:

- Hố thu: pH, BOD₅, COD, TSS, sunfua, amoni (tính theo N), tổng dầu mỡ khoáng, tổng N, tổng P, Coliform

- Bể SBR: BOD₅, COD, TSS, amoni, tổng N, tổng P

- Bể khử trùng: TSS, coliform, clo dư

+ Trong giai đoạn vận hành ổn định: Lấy mẫu đơn đối với 03 mẫu nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải

Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần

Thời gian dự kiến:

Đợt 1: Ngày 01/06/2022

Đợt 2: Ngày 02/06/2022

Đợt 3: Ngày 03/06/2022

Thông số quan trắc: pH, BOD₅, COD, TSS, sunfua, amoni (tính theo N), clo dư, tổng dầu mỡ khoáng, tổng N, tổng P, Coliform.

Khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn:

+ Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất:

Lấy một mẫu đơn (lấy khí thải đầu vào tại khu vực buồng phun sơn)

Tần suất quan trắc: 10 ngày/lần

Thời gian dự kiến:

Đợt 1: Ngày 02/05/2022

Thông số quan trắc: Bụi, NO₂, toluen, phenol, H₂S

Lấy một mẫu đơn (lấy khí thải đầu ra sau tháp hấp thụ của hệ thống xử lý khí thải)

Tần suất quan trắc: 10 ngày/lần

Đợt 2: Ngày 12/05/2022

Đợt 3: Ngày 22/05/2022

Thông số quan trắc: Bụi, NO₂, toluen, phenol, H₂S.

+ Trong giai đoạn vận hành ổn định: Lấy và phân tích mẫu đơn với 03 mẫu khí thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý khí thải

Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần

Thời gian dự kiến:

Đợt 1: Ngày 01/06/2022

Đợt 2: Ngày 02/06/2022

Đợt 3: Ngày 03/06/2022

Thông số quan trắc: Bụi, NO₂, toluen, phenol, H₂S

1.2.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch

- Tên tổ chức: Trung tâm tư vấn công nghệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động
- Địa chỉ: 286/8A Tô Hiến Thành, phường 15, Q.10, tp. HCM
- SĐT: 028.38680842 Fax: 028.38680869 E mail: trungtamcoshet@gmail.com

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Theo bảng bên dưới như sau:

Bảng 6.2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

STT	Tên chất thải	Vị trí quan trắc	Tần suất quan trắc	Thông số giám sát	Số lượng mẫu	Quy chuẩn áp dụng
1	Nước thải tập trung	Sau hệ thống xử lý nước thải	6 tháng/lần	pH, BOD ₅ , COD, TSS, sunfua, amoni (tính theo N), clo dư, tổng dầu mỡ khoáng, tổng N, tổng P, Coliform	01 mẫu	<p>QCVN 40:2011/BTNMT cột A</p> <p>$(C_{max} = C \times k_q \times k_f; k_q = 0,9; k_f = 1,2)$</p>
2	Khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn	Sau hệ thống xử lý khí thải	6 tháng/lần	Bụi, toluen, NO ₂ Phenol H ₂ S	01 mẫu	<p>QCVN 02:2019/BYT và QCVN 03:2019/BYT</p> <p>Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA)</p>

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Căn cứ theo khoản 2, Điều 97 Nghị định 08/2022 và số thứ tự 3 cột 4 và cột 5 của Phụ lục XXVIII thuộc Phụ lục 08/2022, công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục.

Căn cứ theo điểm c khoản 1 Điều 98 Nghị định 08/2022 và Phụ lục XXIX thuộc Phụ lục 08/2022 Công ty không thuộc đối tượng nằm trong mục I, Phụ lục XXIX của Phụ lục 08/2022 nên không phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở:

Không có.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Chi tiết theo bảng sau:

Bảng 6.3 Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường dự kiến hàng năm

STT	Quan trắc môi trường	Thông số	Số lượng mẫu	Tần suất	Kinh phí dự kiến hàng năm (VNĐ)
1	Nước thải tập trung (nước thải sinh hoạt, nước thải từ hoạt động dịch vụ, nước thải từ hệ thống xử lý khí từ buồng phun sơn)	pH, BOD ₅ , COD, TSS, sunfua, amoni (tính theo N), clo dư, tổng dầu mỡ khoáng, tổng N, tổng P, Coliform	01 mẫu	6 tháng/lần	4.500.000
2	Khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn	Bụi, NO ₂ , phenol, toluen, H ₂ S	01 mẫu	6 tháng/lần	4.300.000

CHƯƠNG VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Ngày 21/03/2022, công ty được đoàn kiểm tra của phòng tài nguyên và môi trường thành phố Mỹ Tho đến để kiểm tra công tác bảo vệ môi trường và tài nguyên nước theo Quyết định số 2044/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2022.

Qua quá trình kiểm tra, công ty có thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý chất thải như đã đăng ký trong đề án bảo vệ môi trường đơn giản. Các biện pháp bảo vệ môi trường còn tồn tại, chưa thực hiện là năm 2021 công ty chỉ thực hiện quan trắc chất lượng nước 1 lần trong năm trong khi theo quy định giấy phép xả thải quan trắc 2 lần trong năm, giải thích cho vấn đề này nguyên do trong năm 2021 công ty bị tác động từ ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh covid 19 và chỉ thị 16 nên công ty tạm ngưng hoạt động từ thời điểm tháng 5 đến tháng 11 năm 2021 nên việc lấy mẫu giữa năm không thể thực hiện được.

Sau kết quả kiểm tra, đoàn yêu cầu công ty tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên nước, thực hiện công tác thu gom, xử lý các loại chất thải đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

(Biên bản kiểm tra – *Đính kèm phụ lục*)

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công Ty TNHH MTV Ô Tô Trường Hải Tiền Giang cam kết:

Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

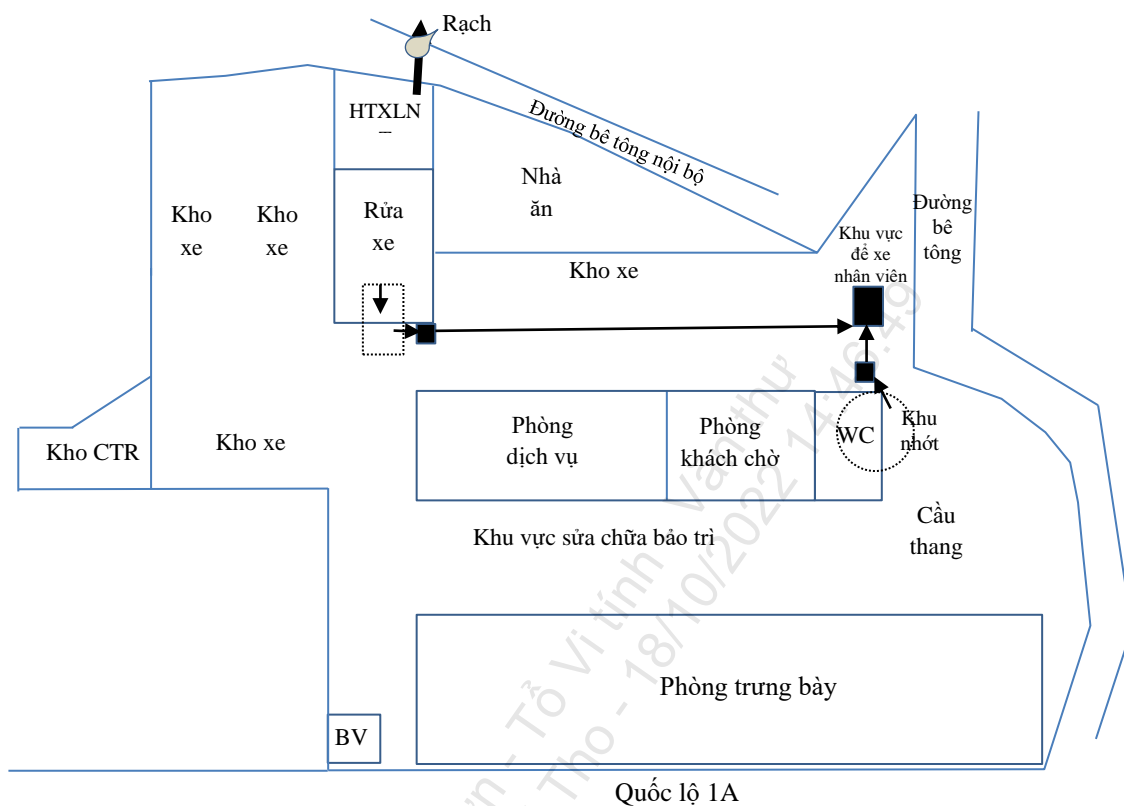
Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

HĐND - UBND Thành Phố Mỹ Tho - 18/10/2022 14:46:49
Nguyễn Văn Sơn - Tổ Vi tính - Văn thư

PHỤ LỤC
BÁO CÁO

HĐND - UBND Thành Phố Mỹ Tho - Văn thư
Nguyễn Văn Sơn - Tư Vấn Môi Trường - Văn thư
20/10/2022 14:46:49

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẤY MẪU CỦA CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

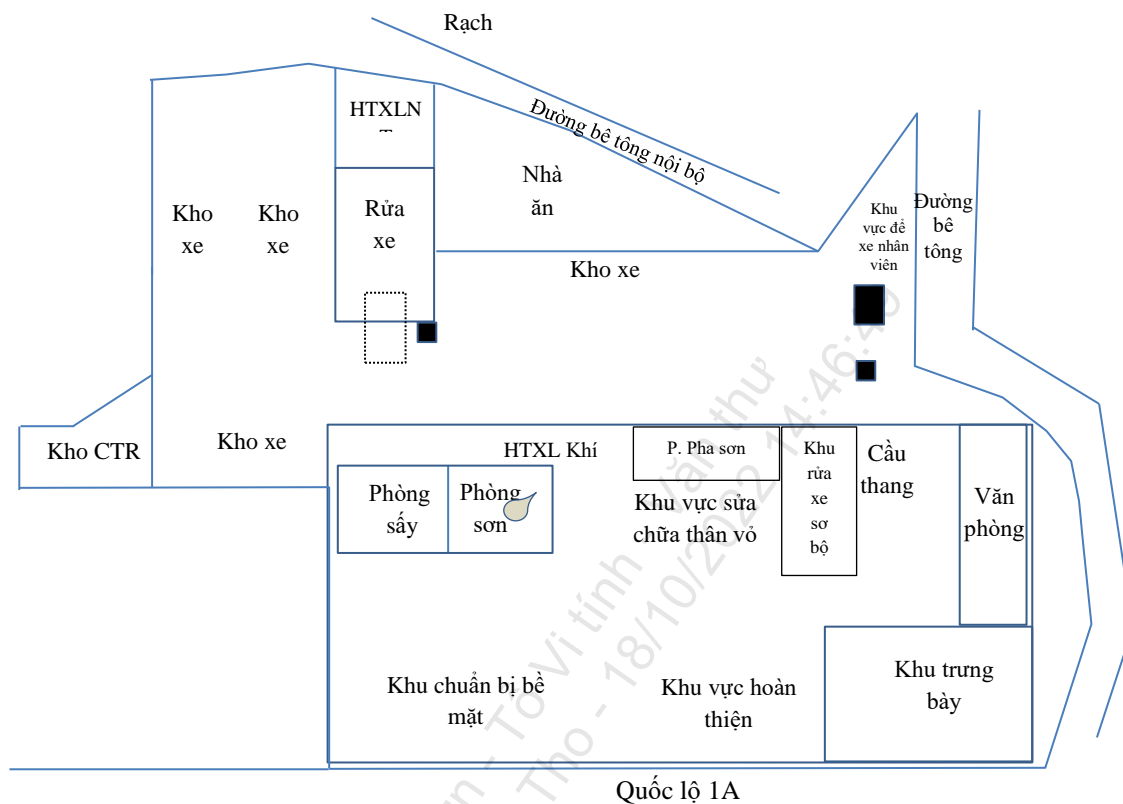


Ghi chú:

👉 Vị trí lấy mẫu nước thải

Hình. Mặt bằng trệt vị trí lấy mẫu nước thải

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẤY MẪU CỦA CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG



Ghi chú:

☞ Vị trí lấy mẫu khí thải buồng sơn

Hình. Mặt bằng lầu 1 vị trí lấy mẫu khí thải